

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<b>Tên ngành, nghề</b>	: Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng
<b>Mã ngành, nghề</b>	: 6720604
<b>Trình độ đào tạo</b>	: Cao đẳng
<b>Hình thức đào tạo</b>	: Chính quy
<b>Đối tượng tuyển sinh</b>	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
<b>Thời gian đào tạo</b>	: 3 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo người Kỹ thuật viên vật lý trị liệu và phục hồi chức năng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và kiến thức chuyên ngành để thực hiện các kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng phục vụ yêu cầu chẩn đoán, điều trị tại các cơ sở điều trị và cộng đồng; có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng chính xác; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

- Áp dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y học lâm sàng và kiến thức chuyên ngành để chẩn đoán và điều trị bằng phương pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng cho những bệnh thường gặp.
- Trình bày các quy trình kỹ thuật vật lý trị liệu phục hồi chức năng cơ bản.
- Có kiến thức về lượng giá vật lý trị liệu các trường hợp bệnh thông thường và phức tạp.
- Trình bày các nguyên lý, qui tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng.
- Vận dụng các kiến thức về phương pháp luận khoa học trong học tập, thực hành kỹ thuật và nghiên cứu khoa học.
- Vận dụng được các nội dung y đức, các qui định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ nâng cao sức khỏe nhân dân trong thực hành nghề nghiệp và thực hiện các quy chế, chức trách nhiệm vụ của người kỹ thuật viên.

##### 1.2.2. Kỹ năng

###### 1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hiện đúng các quy định về tiếp đón người bệnh, người tàn tật đến khám bệnh, vào viện, ra viện, chuyển khoa; chuyển viện, đi xét nghiệm cận lâm sàng
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, các kỹ thuật vật lý trị liệu phục hồi chức năng thông thường và một số kỹ thuật vật lý trị liệu chuyên sâu.
- Phối hợp với bác sĩ và các nhân viên y tế khác trong việc xây dựng kế hoạch chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho người bệnh và người tàn tật.
- Tham gia tổ chức, quản lý khoa, phòng vật lý trị liệu. Quản lý và bảo quản các trang thiết bị, tài sản, hồ sơ bệnh án khi được phân công.

#### 1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và hợp tác tốt với bác sĩ và các nhân viên y tế khác để đảm bảo quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.
- Tham gia công tác quản lý ngành và khoa phòng, và tham gia tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên y tế và học sinh sinh viên.
- Thực hiện nghiên cứu khoa học và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chuyên ngành.
- Có khả năng tự chủ trong tự học nâng cao, tự học suốt đời.
- Có khả năng làm việc nhóm để cùng đạt tới mục tiêu chung.
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo chuẩn khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

#### 1.2.3. Thái độ

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hiện các công việc chuyên môn.
- Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

#### 1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Người có bằng tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân theo quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Nhà nước, cụ thể là:
  - + Có thể làm công tác chuyên môn tại các Bệnh viện phục hồi chức năng hoặc khoa phục hồi chức năng, trung tâm trẻ khuyết tật.
  - + Có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học, cao đẳng Y – Dược, tại các học viện, viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học.

#### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 35 môn bắt buộc, 10 môn tự chọn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 103 tín chỉ , 2490 giờ (không tính GDTC; GDQP)

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 315 giờ (không tính GDTC; GDQP)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2175 giờ;
- Khối lượng lý thuyết các môn học chuyên môn: 610 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/ thảo luận: 1478 giờ; Kiểm tra: 87 giờ
- Tỷ lệ LT-TH: 33% - 67%

### 3. Nội dung chương trình

Mã môn học	Tên môn học	TC	Tổng số giờ	Số giờ								Ghi chú
				Lý thuyết		Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận/ Bài tập		Thực hành/ lâm sàng / cộng đồng		Tự học	Số cột kiểm tra	
				TC	Giờ	TC	Giờ	TC	Giờ	Giờ	Giờ	
<b>I.</b>	<b>Các môn học chung/ đại cương</b>	<b>16</b>	<b>315</b>	<b>11</b>	<b>148</b>	<b>5</b>	<b>151</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>16</b>	
6MC01	Chính trị	5	90	4	56	1	29	0	0	135	5	
6MC02	Pháp luật	2	30	2	22	0	6	0	0	60	2	
6MC03	Giáo dục thể chất		60									(!)
6MC04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh		75									(!)
6MC05	Tin học	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	
6MC06f	Ngoại Ngữ 1	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	
6MC07f	Ngoại Ngữ 2	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	

<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>87</b>	<b>2175</b>	<b>44</b>	<b>610</b>	<b>28</b>	<b>818</b>	<b>15</b>	<b>660</b>	<b>1740</b>	<b>87</b>	
<b>II.1</b>	<b>Các môn học cơ sở</b>	<b>29</b>	<b>525</b>	<b>23</b>	<b>316</b>	<b>6</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>780</b>	<b>29</b>	
6CS01	Xác suất, Thống kê y học	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS03	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS09	Giải phẫu	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	
6CS10	Sinh lý	2	30	2	22	0	6	0	0	60	2	
6CS14	Hóa sinh	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	
6CS15	Vi sinh – Ký sinh trùng	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	
6CS17	Dược lý	3	60	2	28	1	29	0	0	75	3	
6CS18	Quản lý và tổ chức y tế	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS19	Y đức	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS20	Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS24	Điều dưỡng cơ sở	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	
6CS29	Cấp cứu ban đầu	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	
6CS30	Bệnh học	3	45	3	42	0	0	0	0	90	3	
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>49</b>	<b>1470</b>	<b>15</b>	<b>210</b>	<b>19</b>	<b>551</b>	<b>15</b>	<b>660</b>	<b>735</b>	<b>49</b>	
6CS36	Nghiên cứu khoa học	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(II)

6160401	Quản lý khoa/phòng VLTL	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6160402	Quá trình phát triển con người	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(II)
6160403	Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh	4	90	2	28	2	58	0	0	90	4	(#)
6160404	Vận động trị liệu	4	105	1	14	3	87	0	0	75	4	(#)
6160405	Lượng giá chức năng vận động	4	105	1	14	3	87	0	0	75	4	(#)
6160406	Các phương pháp điều trị VLTL	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(#)
6160407	Bệnh lý và VLTL hệ cơ xương	4	90	2	28	2	58	0	0	90	4	(#)
6160408	Bệnh lý và VLTL hệ thống thần kinh cơ	4	90	2	28	2	58	0	0	90	4	(#)
6160409	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(#)
6160410	Bệnh lý và VLTL hệ da-tiêu hóa-sinh dục-nội tiết	2	45	2	14	1	29	0	0	75	2	(#)
6160411	Thực tập lâm sàng 1	3	135	0	0	0	0	3	132	0	3	(#)
6160412	Thực tập lâm sàng 2	4	180	0	0	0	0	4	176	0	4	(#)
6160413	Thực tập lâm sàng 3	4	180	0	0	0	0	4	176	0	4	(#)
6160414	Thực tập cuối khóa	4	180	0	0	0	0	4	176	0	4	(#)
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn:</b>	<b>9</b>	<b>180</b>	<b>6</b>	<b>84</b>	<b>3</b>	<b>87</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>225</b>	<b>9</b>	

**Năm 1: sinh viên chọn 1 môn tương đương 2 tín chỉ**

6CS02	Sinh học và Di truyền	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS04	Hóa học	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	

**Năm 2: sinh viên chọn 1 môn tương đương 2 tín chỉ**

6CS11	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS21	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS22	Sức khỏe môi trường – Vệ sinh	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	
6CS23	Dịch tễ học	2	30	2	28	0	0	0	0	60	2	

**Năm 3: sinh viên chọn 1 nhóm tương đương 5 tín chỉ**

	<b>Nhóm 1: .....</b>	<b>5</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>28</b>	<b>3</b>	<b>87</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>105</b>	<b>5</b>	
6160415	Vật lý trị liệu một số bệnh phức tạp	3	75	1	14	2	58	0	0	60	3	(#)
6160416	Massage điều trị	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
	<b>Nhóm 2:.....</b>	<b>5</b>	<b>120</b>	<b>3</b>	<b>42</b>	<b>1</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>44</b>	<b>105</b>	<b>5</b>	
6160417	Y học cổ truyền và dưỡng sinh	2	45	1	14	1	29	0	0	45	2	(#)
6160418	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3	75	2	28	0	0	1	44	60	3	(#)
<b>Tổng cộng</b>		<b>103</b>	<b>2490</b>	<b>55</b>	<b>758</b>	<b>33</b>	<b>969</b>	<b>15</b>	<b>660</b>	<b>2145</b>	<b>103</b>	

## **Ghi chú:**

(!): Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng

(||): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học

(#): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường hoặc 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

1 giờ học lý thuyết trên lớp: sinh viên phải tự học 2 giờ

2 giờ học thực hành, thí nghiệm, thảo luận tại trường: sinh viên phải tự học 1 giờ

1 tín chỉ tương đương 1 cột kiểm tra

## **4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

- Áp dụng theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ban hành ngày 13/3/2017 về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

### **4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo**

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần.

- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.

- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học. Thời gian thực học được tính bằng thời gian tổ chức học tập các môn học. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng

- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau:

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành tại trường và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 40 giờ thực tập tại các cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình

+ Một giờ học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận không quá 8 giờ học; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

+ Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.



#### **4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;
- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

#### **4.3. Hướng dẫn kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, và thi kết thúc môn học:**

- Kiểm tra thường xuyên do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

- Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định.
- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 4 tuần đối với kỳ thi chính và 1 tuần đối với kỳ thi phụ. Thời gian ôn thi phải đảm bảo ít nhất ½ ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập
- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 5 ngày làm việc.
- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học phải được quy định trong chương trình môn học

#### **4.4. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, thi lại và học lại**

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học: người học được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau

- + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học được quy định trong chương trình môn học.

- + Điểm trung bình chung các bài kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Số lần dự thi kết thúc môn học:

- + Người học được dự thi kết thúc môn học lần thứ nhất ở kỳ thi chính, nếu chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi phụ do trường tổ chức.

- + Người học vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác

- Người học phải thi lại nếu điểm môn học chưa đạt yêu cầu
- Người học phải học lại nếu: không đủ điều kiện dự thi; hoặc đã hết số lần dự thi kết thúc môn học nhưng điểm môn học chưa đạt yêu cầu.

#### **4.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên

- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.
- Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**